

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TUY HÒA
TỈNH PHÚ YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản số: 40/2024/DS-ST
Ngày: 02-7-2024
V/v: Tranh chấp Hợp đồng
vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh Thoa;

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phan Thị Oanh;

Bà Nguyễn Thị Thu Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Đức Duy, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 169/2023/TLST-DS ngày 13 tháng 10 năm 2023 về “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2024/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Chu Thị H, sinh năm 1974; cư trú tại: khu phố 1 N, Phường K, thành phố T, tỉnh Phú Yên;

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn:

Ông Nguyễn Quốc P, sinh năm 1988; cư trú tại: khu phố T, thị trấn C, huyện T, tỉnh Phú Yên; có mặt.

Ông Bùi Trọng T, sinh năm 1994; cư trú tại: khu phố M, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên; có mặt.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1992; cư trú tại: khu phố N, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 04/10/2023, Đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện ngày 29/02/2024 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Chu Thị H và người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày: Do có sự quen biết nên

ngày 25/11/2022 (tức ngày 02/11/2022 ÂL) và ngày 28/11/2022 (tức ngày 05/11/2022 ÂL), chị Nguyễn Thị T có vay của bà Chu Thị H số tiền 150.000.000 đồng, cụ thể: ngày 02/11/2022 (ÂL) vay 50.000.000 đồng và ngày 05/11/2022 (ÂL) vay 100.000.000 đồng, khi vay, hai bên không thoả thuận lãi suất. Đối với khoản vay 50.000.000 đồng, chị T hẹn vay trong thời gian 01 tháng sẽ trả nhưng hết thời hạn 01 tháng, chị T chỉ trả 8.000.000 đồng. Đối với khoản vay 100.000.000 đồng hẹn đến ngày 07/11/2022 (ÂL) sẽ trả nhưng chị T cũng không trả. Nay, bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Nguyễn Thị T phải trả cho bà Chu Thị H số tiền gốc 142.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật là 10%/năm kể từ ngày 26/12/2022 đến thời điểm xét xử vụ án và yêu cầu trả một lần.

Bị đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: Hai giấy mượn tiền là do chị viết và thống nhất thời gian viết trong giấy mượn tiền là năm 2022 nhưng giấy mượn tiền 50.000.000 đồng là lấy tiền góp, chị đã góp cho chị H 04 ngày là 8.000.000 đồng (góp mỗi ngày 2.000.000 đồng) nên còn nợ 42.000.000 đồng. Đối với khoản nợ 100.000.000 đồng thì giữa chị và chị H thoả thuận vay trong 02 ngày, mỗi ngày trả tiền lãi 500.000 đồng, nếu không trả gốc và lãi đúng thời hạn thì cuối tháng trả cho chị H 15.000.000 đồng tiền lãi.

Chị thừa nhận có vay của chị H 150.000.000 đồng như 02 giấy mượn tiền nhưng chị đã trả cho chị Hiền được 8.000.000 đồng, còn lại chỉ nợ 142.000.000 đồng. Đối với yêu cầu trả tiền lãi thì chị đã trả cho chị H nhiều lần nên nay chị không chấp nhận trả lãi. Do hiện nay chị đang có khó khăn về kinh tế nên xin trả dần hàng tháng từ 1.000.000 đồng đến 1.500.000 đồng.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về số tiền gốc 142.000.000 đồng; yêu cầu tính lãi từ ngày 26/12/2022 đến ngày 26/6/2024 là 18 tháng với số tiền 21.214.000 đồng. Bị đơn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày và bổ sung thêm ý kiến là trước đây chị đã trả tiền lãi cho chị H nhiều lần thông qua việc chuyển khoản cho anh Lê Minh T (là người quen của bà Chu Thị H).

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa cơ bản tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự thực hiện đúng quy định về quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào 02 giấy mượn tiền ghi ngày 02/11 âm lịch và ngày 05/11 âm lịch, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, hai bên thống nhất bị đơn có mượn của nguyên đơn hai lần vào năm 2022 như giấy mượn tiền với số tiền mượn tổng cộng 150.000.000 đồng, đã trả 8.000.000 đồng, còn nợ tiền gốc 142.000.000 đồng. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn trả số tiền gốc 142.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả 10%/năm kể từ ngày 26/12/2022 đến ngày 26/6/2024 cho nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 280, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự. chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Hai Giấy mượn tiền do nguyên đơn cung cấp ghi ngày 02/11 âm lịch và ngày 05/11 âm lịch, không ghi năm nhưng nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất năm 2022. Theo đó, ngày 25/11/2022 (tức ngày 02/11/2022 âm lịch), bị đơn Nguyễn Thị T có vay của nguyên đơn Chu Thị H số tiền 50.000.000 đồng hạn trong thời gian 1 tháng sẽ trả, không thoả thuận lãi, bị đơn có viết giấy mượn tiền nhưng sau đó bị đơn chỉ trả 8.000.000 đồng, còn nợ 42.000.000 đồng. Ngày 28/11/2022 (tức ngày 05/11/2022 (ÂL)), bị đơn vay của nguyên đơn số tiền 100.000.000 đồng hạn 02 ngày sẽ trả, hai bên không thoả thuận lãi nhưng đến nay bị đơn không trả.

Như vậy, đến nay, bị đơn còn nợ của nguyên đơn số tiền 142.000.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn thừa nhận nợ nhưng không đồng ý trả một lần số tiền nói trên và xin trả dần; nguyên đơn không thống nhất cho bị đơn trả dần. Việc bị đơn không trả tiền đúng hạn cho nguyên đơn là vi phạm nghĩa vụ trả nợ quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu buộc bị đơn trả khoản tiền này là có căn cứ, đúng quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và đề nghị của Kiểm sát viên.

[2] Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả tiền lãi theo quy định của pháp luật.

Do nguyên đơn và bị đơn không thoả thuận lãi khi vay nên nguyên đơn yêu cầu buộc bị đơn phải trả tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất 10%/năm tương ứng với thời gian chậm trả tính từ ngày 26/12/2022 đến ngày 26/6/2024 là 18 tháng với số tiền lãi 21.214.000 đồng là đúng quy định tại Điều 357 và khoản 4 Điều 466 của Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và đề nghị của Kiểm sát viên.

[3] Bị đơn cho rằng đã trả tiền lãi nhiều lần cho nguyên đơn thông qua anh Lê Minh T nhưng không chứng minh được anh T nhận tiền thay cho nguyên đơn. Tại phiên tòa, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn không chấp nhận và cho rằng việc bị đơn trả tiền cho anh Lê Minh T không liên quan đến nguyên đơn. Do đó, ý kiến trình bày của bị đơn là không có cơ sở chấp nhận.

[4] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các điều 280, 357, 463, các khoản 1, 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Chu Thị H.

Buộc bị đơn chị Nguyễn Thị T phải trả cho nguyên đơn bà Chu Thị H số tiền 163.214.000 (Một trăm sáu mươi ba triệu hai trăm mười bốn nghìn) đồng, trong đó: tiền gốc là 142.000.000 đồng, tiền lãi là 21.214.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Bị đơn chị Nguyễn Thị T phải chịu 8.161.000 (Tám triệu một trăm sáu mươi một nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho nguyên đơn bà Chu Thị H tiền tạm ứng án phí 3.750.000 (Ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng đã nộp tại biên lai số 0012562 ngày 12/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP. Tuy Hòa;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- Chi cục THADS TP. Tuy Hòa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Khánh Thoa